fǎ shù

法术

noun · magic; sorcery

Example Sentences

tā huì shǐ yòng fǎ shù
他会使用法术。

He can use magic.

diàn yǐng lǐ de fǎ shù xiào guǒ fēi cháng bī zhēn
电影里的法术效果非常逼真。

The magic effects in the movie are very realistic.

gǔ dài chuán shuō zhōng dào shì néng yòng fǎ shù hū fēng huàn yǔ
古代传说中，道士能用法术呼风唤雨。

In ancient legends, Taoist priests could use magic to summon wind and rain.

Trace each character, then write the word on your own.

法 法 法 法 法 法 法 法 法 法 法

术 术 术 术 术 术 术 术